

Bản án số: 85/2018/HS-ST
Ngày: 18-10-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hồ

Ông Trần Hữu Tân

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Út - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Lê An Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 79/2018/TLST-HS ngày 24 tháng 9 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 86/2018/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 10 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. VÕ QUỐC V (V Chùa), sinh năm: 1990 tại tỉnh Tiền Giang; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 39/12, đường T, khu phố M, Phường B, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Thanh S và bà Trương Thị Bích N; Sống chung như vợ chồng với Lê Thị Cẩm T; Có 02 người con lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2016: chưa có; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/6/2018. (Có mặt)

2. NGUYỄN THÀNH Q (Queo), sinh năm: 1991 tại tỉnh Tiền Giang; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 34, đường H, khu phố B, Phường B, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang; Chỗ ở hiện nay: không có nơi cư trú nhất định; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thành N (đã chết) và bà Lý Kim L; Sống chung như vợ chồng với: Vương Uyên N, sinh năm: 2000; Có 01 người con sinh năm 2017; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/7/2018. (Có mặt)

3. TRẦN THÀNH T (T Ngọng), sinh năm: 1991 tại tỉnh Tiền Giang; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 62/3A, đường L, khu phố M, Phường S, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: kinh;

Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Hoàng Dvà bà Phan Ngọc T; Vợ, con: chưa có; Tiền án: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 106/2008/HSST ngày 25/9/2008 của Tòa án nhân dân thành phố MT, tỉnh Tiền Giang đã xử phạt bị cáo 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, Tại bản án hình sự sơ thẩm số 55/2012/HSST ngày 04/5/2012 của Tòa án nhân dân thành phố MT, tỉnh Tiền Giang đã xử phạt bị cáo 07 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, Tại bản án hình sự sơ thẩm số 89/2012/HSST ngày 12/7/2012 của Tòa án nhân dân thành phố MT, tỉnh Tiền Giang đã xử phạt bị cáo 01 năm 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/6/2018. (Có mặt)

- Bị hại:

1. Mai Hồng N, sinh năm: 1992;

Nơi cư trú: ấp T, xã TTB, huyện M, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

2. Nguyễn Thị Y, sinh năm: 1981;

Nơi cư trú: Số 205A, khu phố M, Phường N, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

3. Võ Thị Bích T, sinh năm: 1991;

Nơi cư trú: Số 355F, đường N, khu phố H, phường P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Võ Thị Tú T, sinh năm: 1982;

Nơi cư trú: Số 39/12, đường T, khu phố M, Phường B, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

2. Phan Thanh T, sinh năm: 1990;

Nơi cư trú: Số 50/3, khu phố B, Phường M, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang. (Vắng mặt)

- Người làm chứng:

1. Nguyễn Thành L, sinh năm: 1991;

Nơi cư trú: Số 503/1, ấp AH, xã AT, huyện T, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

2. Nguyễn Thị Lệ D, sinh năm: 1986;

Nơi cư trú: ấp T, xã TTB, huyện M, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

NỘI D V U Á N

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Vào các ngày 23/5/2018, 26/5/2018 và 01/6/2018 trên địa bàn huyện C và thành phố BT, tỉnh Bến Tre, Võ Quốc V cùng với Nguyễn Thành Q và Trần Thành T đã thực hiện Nêu vụ cướp giật tài sản và trộm cắp tài sản. Cụ thể:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 11 giờ ngày 23 tháng 5 năm 2018, Nguyễn Thành Q điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter 150cc, màu xanh – bạc, biển số 63B9 – 583.23 (xe của Võ Thị Tú T là chị ruột của V) chở sau Võ Quốc V lưu thông trên Quốc lộ 60 hướng từ tỉnh Bến Tre về Tiền Giang. Khi đến khu vực cầu BL mới thuộc huyện C, tỉnh Bến Tre, V và Q phát hiện chị Nguyễn Thị Lê D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius màu đỏ - đen, biển số 59H1 – 101.87 chở sau chị Mai Hồng N đang lưu thông cùng chiều phía trước, trên cổ chị N có đeo sợi dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 2,5 chỉ nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Để thực hiện ý định, Q điều khiển xe chở V chạy bám theo xe của chị D. Khi đến khu vực thuộc ấp A, xã AK, huyện C, tỉnh Bến Tre thấy đường vắng người, Q liền điều khiển xe mô tô biển số 63B9 – 583.23 chạy vượt lên, áp sát vào xe chị D để V ngồi sau dùng tay phải giật lấy sợi dây chuyền của chị N đang đeo trên cổ rồi tăng ga xe tẩu thoát về thành phố MT, tỉnh Tiền Giang. Tại đây, cả hai đem sợi dây chuyền vừa giật được của chị N đến tiệm vàng HN ở số 141, đường TT, Phường M, thành phố MT, Tiền Giang bán cho chị Nguyễn Thị Thanh L (chủ tiệm vàng HN) thu được 2.400.000 đồng chia nhau mỗi người 1.200.000 đồng tiêu xài cá nhân hết. Hiện tài sản không thu hồi được.

Theo Bảng kết luận định giá trị tài sản số 598/KL-HĐĐG ngày 11/7/2018 của Hội đồng định giá huyện C, tỉnh Bến Tre kết luận: 01 sợi dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 2,5 chỉ, loại dây xoắn, mặt dây chuyền có hình tròn dạng 02 chữ “C” đối nhau có đính viên đá màu trắng trị giá 6.838.750 đồng.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 15 giờ 45 phút ngày 26/5/2018, Nguyễn Thành Q điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter 150cc, màu xanh – bạc, biển số 63B9 – 583.23, chở sau Võ Quốc V lưu thông trên đường 19/5 hướng từ cầu CS về Ủy ban nhân dân xã N, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. Khi đến khu vực thuộc ấp HA, xã N, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, cả hai phát hiện chị Nguyễn Thị Y điều khiển xe mô tô, nhãn hiệu Honda, số loại Wave màu đỏ, biển số 71H9 – 0785 đang lưu thông theo chiều ngược lại, trên cổ có đeo sợi dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 1,6 chỉ, có mặt hình trái tim bọc vàng 18k trọng lượng 0,4 chỉ nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Để thực hiện ý định, Q điều khiển xe chở V quay đầu lại bám theo, áp sát vào xe của chị Y đang chạy để V ngồi sau giật lấy sợi dây chuyền của chị Y rồi tăng ga xe tẩu thoát về hướng xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre. Sau đó, cả hai đem sợi dây chuyền vàng vừa giật được của chị Y đến tiệm vàng HN ở số ở số 141, đường T, phường M, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang bán được 2.400.000

đồng, chia nhau tiêu xài và mua ma túy sử dụng hết. Hiện tài sản không thu hồi được.

Theo Bảng kết luận định giá trị tài sản số 781/KL-HĐĐG ngày 23/7/2018 của Hội đồng định giá thành phố Bến Tre kết luận: 01 sợi dây chuyền hình chữ cong vàng 18K, trọng lượng 1,6 chỉ trị giá tài sản ngày 26/5/2018: giá mua là 4.156.800 đồng, giá bán 4.380.800 đồng, 01 mặt dây chuyền hình trái tim bọc vàng 18K, trọng lượng 0,4 chỉ trị giá tài sản vào ngày 26/5/2018: giá mua là 1.039.200, giá bán 1.095.200 đồng.

Vụ thứ ba: Vào khoảng 14 giờ 05 phút ngày 01/6/2018, V điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter, biển số 63B9 – 583.23 chở sau Trần Thành T đi từ thành phố MT, tỉnh Tiền Giang sang thành phố BT, tỉnh Bến Tre với mục đích tìm tài sản để trộm cắp. Khi đến cửa hàng mỹ phẩm M 2 của chị Võ Thị Bích T ở số 355F, đường N, khu phố H, phường P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, cả hai phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại AirBlade, biển số 71C3 – 050.40 của chị T đang đậu trước cửa không người trông coi, V liền dừng xe lại ở ngoài giữ xe và cảnh giới để T vào trong dùng đoản đem theo sẵn bẻ khóa lấy xe của chị T chạy về thành phố MT, tỉnh Tiền Giang bán cho Phan Thanh T với giá 4.500.000 đồng nhưng mới nhận được 3.000.000 đồng, cả hai chia nhau tiêu xài. Số tiền được chia, T dùng để trả nợ hết 1.000.000 đồng, còn giữ lại 500.000 đồng, V còn giữ lại 1.500.000 đồng. Sau đó, hành vi của V và T bị phát hiện.

Vật chứng thu giữ:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại AirBlade, biển số 71C3 – 050.40 (do Phan Thanh T giao nộp).
- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter 150cc, biển số 63B9 – 583.23 màu sơn xanh, bạc.
- Tiền Việt Nam: 2.720.000 đồng (của Võ Quốc V 1.500.000 đồng; của Trần Thành T 1.220.000 đồng).
- 01 đoản bằng kim loại màu trắng, có chữ ESCO, dài 07cm, một đầu hình trụ, một đầu dẹp.

Ngoài ra, lực lượng Công an còn thu giữ của V và T:

- 01 điện thoại Iphone màu bạc, số Imei 359482088005464; 01 điện thoại Nokia màu đỏ, đen, số Imei 1 359296/04/022892/7, số Imei 2359296/04/022893/5; 01 điện thoại di động Itel, màu xanh, số Imei 1 3549420763988440, số Imei 2 354942076398457, không có pin; 01 điện thoại Iphone màu đỏ, đen, số Imei 1 35793406/307897, số Imei 2357934061307905; 01 điện thoại Nokia màu đen, số

Imei 1 354109/05/249378/1, số Imei 2 354109/05/249379/9; 01 điện thoại Smart màu trắng, số Imei 1 8686230107/6268, không có pin; 01 điện thoại Nokia màu xanh, số Imei 1 355840092873538, số Imei 2 355840097873533; 01 điện thoại Oppo màu xám đã bể màn hình; 01 nón bảo hiểm màu đỏ; 01 áo sơ mi màu xanh tay dài; 01 quần tây xanh; 01 nón kết màu trắng; 01 con dao bấm; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Võ Quốc V và 01 đôi dép.

- 01 áo khoát đỏ, có chữ NIKE trên cổ áo; 01 nón kết lưỡi trai màu nâu có chữ TOMMY-HIFIGER; 01 dao xếp bằng kim loại, 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 thẻ ATM ngân hàng Sacombank mang tên Trần Thành T.

Theo Bảng kết luận định giá trị tài sản số 729/KL-HĐĐG ngày 02/7/2018 của Hội đồng định giá thành phố Bến Tre kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại AirBlade, biển số 71C3 – 050.40, trị giá vào ngày 01/6/2018 là 20.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 84/CT-VKS ngày 20 tháng 9 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Võ Quốc V về tội “Cướp giật tài sản” và “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 và khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Thành Q về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự và truy tố bị cáo Trần Thành T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị: Tuyên bố bị cáo Võ Quốc V phạm tội “Cướp giật tài sản” và “Trộm cắp tài sản”, bị cáo Nguyễn Thành Q phạm tội “Cướp giật tài sản” và bị cáo Trần Thành T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Võ Quốc V từ 03 năm 6 tháng đến 04 năm 6 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Võ Quốc V từ 01 năm đến 01 năm 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Võ Quốc V chấp hành hình phạt chung của cả hai tội.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Thành Q từ 03 năm 6 tháng đến 04 năm 6 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Trần Thành T từ 02 năm đến 02 năm 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật Dân sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Buộc bị cáo Võ Quốc V và Nguyễn Thành Q liên đới bồi thường cho bị hại Mai Hồng N 6.838.750 đồng và bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Y 5.196.000 đồng; Ghi nhận bị hại Võ Thị Bích T đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt là 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Air Blade, biển số 71C3 – 050.40 và không yêu cầu gì thêm; Ghi nhận người có quyền lợi liên quan Phan Thanh T không yêu cầu V và T trả lại số tiền 3.000.000 đồng mua xe mô tô biển số 71C3 – 050.40 sau đó đã bị thu hồi; Trả lại cho Võ Thị Tú T 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter 150cc, biển số 63B9 – 583.23 màu sơn xanh, bạc; Trả lại cho bị cáo Võ Quốc V 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Võ Quốc V; Trả lại cho bị cáo Trần Thành T: 1.220.000 đồng, 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 thẻ ATM ngân hàng Sacombank mang tên Trần Thành T; Trả lại cho bị cáo Võ Quốc V: 01 điện thoại Nokia màu đỏ, đen, số Imei 1 359296/04/022892/7, số Imei 2359296/04/022893/5, 01 điện thoại di động ITEL, màu xanh, số Imei 1 3549420763988440, số Imei 2 354942076398457, không có pin, 01 điện thoại Iphone màu đỏ, đen, số Imei 1 35793406/307897, số Imei 2357934061307905, 01 điện thoại Nokia màu đen, số Imei 1 354109/05/249378/1, số Imei 2 354109/05/249379/9, 01 điện thoại Smart màu trắng, số Imei 1 8686230107/6268, không có pin, 01 điện thoại Oppo màu xám đã bể màn hình; Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại Iphone màu bạc, số Imei 359482088005464, 01 điện thoại Nokia màu xanh, số Imei 1 355840092873538, số Imei 2 355840097873533; Tịch thu tiêu hủy: 01 đoạn băng kim loại màu trắng, có chữ ESCO, dài 07cm, một đầu hình trụ, một đầu dẹp, 01 nón bảo hiểm màu đỏ, 01 áo sơ mi màu xanh tay dài, 01 quần tây xanh, 01 nón kết màu trắng, 01 con dao bấm, 01 đôi dép, 01 áo khoát đỏ, có chữ NIKE trên cổ áo, 01 nón kết lưỡi trai màu nâu có chữ TOMMY-HIFIGER và 01 dao xếp bằng kim loại; Tiếp tục tạm giữ số tiền 1.500.000 đồng của bị cáo V để đảm bảo thi hành án.

- Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo do các bị cáo không có thu nhập và nghề nghiệp ổn định.

Các bị cáo Võ Quốc V, Nguyễn Thành Q và Trần Thành T có lời khai tại phiên tòa là vào khoảng 11 giờ ngày 23/5/2018, tại khu vực thuộc ấp A, xã AK, huyện C, tỉnh Bến Tre, bị cáo V cùng bị cáo Q đã có hành vi cùng nhau giật của bị hại Mai Hồng N 01 sợi dây chuyền bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Vào khoảng 15 giờ 45 ngày 26/5/2018, tại khu vực thuộc ấp HA, xã N, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, bị cáo V và Q tiếp tục thực hiện hành vi cùng nhau giật của bị hại Nguyễn Thị Y 01 sợi dây chuyền rồi đem bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Vào khoảng 14 giờ 05 ngày 01/6/2018, bị cáo V bàn bạc cùng bị cáo T lén lút chiếm đoạt của bị hại Võ Thị Bích T 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Airblade, biển số 71C3 – 050.40 rồi đem bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Sau đó, hành vi của các bị cáo bị phát hiện.

Các bị cáo thừa nhận hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật về đề nghị giảm nhẹ hình phạt.

Những bị hại có lời trình bày:

- Chị Mai Hồng N trình bày: Chị bị bị cáo V và Q giật 01 sợi dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 2,5 chỉ, hiện không thu hồi được. Chị yêu cầu các bị cáo V và Q liên đới bồi thường theo định giá là 6.838.750 đồng.

- Chị Nguyễn Thị Y trình bày: Chị bị bị cáo V và Q giật 01 sợi dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 1,6 chỉ và 01 mặt dây chuyền vàng 18k trọng lượng 0,4 chỉ, hiện không thu hồi được. Chị yêu cầu các bị cáo V và Q liên đới bồi thường theo định giá là 5.196.000 đồng.

- Chị Võ Thị Bích T trình bày: Chị bị mất trộm xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Airblade, biển số 71C3 – 050.40, hiện xe đã được thu hồi và không yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Thị Tú T trình bày: Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter 150cc, biển số 63B9 – 583.23 màu sơn xanh, bạc thuộc quyền sở hữu của chị, bị cáo lấy đi thực hiện hành vi phạm tội chị không biết, chị yêu cầu được nhận lại xe mô tô.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an thành phố Bến Tre, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo Võ Quốc V, Nguyễn Thành Q và Trần Thành T tại phiên tòa là vào khoảng 11 giờ ngày 23/5/2018, tại khu vực thuộc ấp A xã AK, huyện C, tỉnh Bến Tre, bị cáo V cùng bị cáo Q đã có hành vi cùng nhau giật của bị hại Mai Hồng N 01 sợi dây chuyền bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Vào khoảng 15 giờ 45 ngày 26/5/2018, tại khu vực thuộc ấp HA, xã N, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, bị cáo V và Q tiếp tục thực hiện hành vi cùng nhau giật của bị hại Nguyễn Thị Y 01 sợi dây chuyền rồi đem bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Vào khoảng 14 giờ 05 ngày 01/6/2018, bị cáo V bàn bạc cùng bị cáo T lén lút chiếm đoạt của bị hại Võ Thị Bích T 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Airblade, biển số 71C3 – 050.40 rồi đem bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Sau đó, hành vi của các bị cáo bị phát hiện. Đối chiếu với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu khác thu thập được trong quá trình điều tra là phù hợp nhau. Tổng cộng, bị cáo V cùng bị cáo Q thực hiện 02 vụ cướp giật tài sản, tổng giá trị chiếm đoạt theo định giá là 12.034.750 đồng và cùng bị cáo T thực hiện 01

vụ trộm cắp tài sản với giá trị chiếm đoạt theo định giá là 20.000.000 đồng. Tại phiên tòa, các bị cáo đồng ý với giá trị đó, không khiếu nại gì, Hội đồng xét xử căn cứ giá trị Hội đồng định giá xác định để xét xử đối với các bị cáo. Các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận biết hành vi các bị cáo thực hiện là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện và hậu quả đã xảy ra. Trước khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo T đã Nều lần bị kết án về tội “ Trộm cắp tài sản” và “Cướp giật tài sản” (đã tái phạm) chưa được xóa án tích lại tiếp tục vi phạm nên lần phạm tội này thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm”. Hội đồng xét xử đủ căn cứ kết luận các bị cáo V phạm tội “Cướp giật tài sản” và “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 và khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, bị cáo Q phạm tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự và bị cáo T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Bị cáo Võ Quốc V phạm nhiều tội nên áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của cả 02 tội.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn các bị cáo thực hiện tội phạm, gây tâm lý lo sợ cho quần chúng nhân dân trong lao động, sinh hoạt hằng ngày.

[5] Trong vụ đồng phạm mang tính giản đơn, trước và trong khi thực hiện các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ, các bị cáo lợi dụng sơ hở trong quản lý tài sản của các chủ sở hữu, các bị cáo đã dễ dàng thực hiện và hậu quả đã xảy ra. Vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với các bị cáo trong vụ án thể hiện như sau:

Đối với bị cáo Võ Quốc V và Nguyễn Thành Q cùng giữ vai trò là người tiếp thực hiện tội phạm, bị cáo Q điều khiển xe mô tô chở bị cáo V ngồi sau giật tài sản của bị hại, đồng thời bị cáo V cũng là người cảnh giới để bị cáo T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản; Mặc dù nhân thân của các bị cáo V và Q được xác định là không có tiền án tiền sự, nhưng qua xem xét quá trình hoạt động của bản thân cho thấy các bị cáo đã bị Tòa án kết án và áp dụng biện pháp xử lý hành chính về hành vi trộm cắp tài sản và gây rối trật tự công cộng. Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các bị cáo phạm vào tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xét tình tiết giảm nhẹ các bị cáo được hưởng như thành khẩn khai báo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng đối với bị cáo Q còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đang có nghĩa vụ nuôi con dưới 18 tuổi theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Trần Thành T giữ vai trò là người rủ rê và cũng là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản cùng bị cáo V, bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị Tòa án kết án về các tội cướp giật tài sản và trộm cắp tài sản. Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Xét tình tiết giảm nhẹ bị cáo được hưởng như thành khẩn khai báo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào nhân thân, tính chất mức độ và hậu quả do hành vi các bị cáo gây ra, xét thấy việc cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết nhằm cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Mai Hồng N và Nguyễn Thị Y yêu cầu các bị cáo V và Q bồi thường giá trị tài sản bị chiếm đoạt không thu hồi được theo định giá, theo đó bị hại N là 6.838.750 đồng và bị hại Y là 5.196.000 đồng, các bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của các bị hại nên ghi nhận để buộc các bị cáo thực hiện;

Bị hại Võ Thị Bích T đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt là 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Air Blade, biển số 71C3 – 050.40 và không yêu cầu gì thêm nên ghi nhận;

Người có quyền lợi liên quan Phan Thanh T không yêu cầu V và T trả lại số tiền 3.000.000 đồng mua xe mô tô biển số 71C3 – 050.40 sau đó đã bị thu hồi nên ghi nhận.

[6] Về xử lý vật chứng:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đã trả lại cho bị hại Võ Thị Bích T đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt là 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Air Blade, biển số 71C3 – 050.40. Xét thấy, đây là các tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bị hại nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại là phù hợp nên ghi nhận.

Đối với 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Võ Quốc V; 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 thẻ ATM ngân hàng Sacombank mang tên Trần Thành T là giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền cấp cho bị cáo không liên quan đến vụ án nên trả lại cho các bị cáo.

Đối với 01 điện thoại Iphone màu bạc, số Imei 359482088005464, 01 điện thoại Nokia màu xanh, số Imei 1 355840092873538, số Imei 2 355840097873533 là tài sản của bị cáo V nhưng bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền 2.720.000 đồng, trong đó của bị cáo V 1.500.000 đồng không liên quan đến vụ án, tuy nhiên bị cáo còn thực nghĩa vụ tài sản lớn hơn nên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án, đối với số tiền 1.220.000 đồng của bị cáo T không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter 150cc, biển số 63B9 – 583.23 màu sơn xanh, bạc là của chị Võ Thị Tú T, chị T không biết các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại cho chị T.

Đối với 01 điện thoại Nokia màu đỏ, đen, số Imei 1 359296/04/022892/7, số Imei 2359296/04/022893/5, 01 điện thoại di động ITEL, màu xanh, số Imei 1

3549420763988440, số Imei 2 354942076398457, không có pin, 01 điện thoại Iphone màu đỏ, đen, số Imei 1 35793406/307897, số Imei 2357934061307905, 01 điện thoại Nokia màu đen, số Imei 1 354109/05/249378/1, số Imei 2 354109/05/249379/9, 01 điện thoại Smart màu trắng, số Imei 1 8686230107/6268, không có pin, 01 điện thoại Oppo màu xám đã bể màn hình là tài sản của bị cáo V không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 đoạn băng kim loại màu trắng, có chữ ESCO, dài 07cm, một đầu hình trụ, một đầu dẹp,, 01 nón bảo hiểm màu đỏ, 01 áo sơ mi màu xanh tay dài, 01 quần tây xanh, 01 nón kết màu trắng, 01 con dao bấm, 01 đôi dép, 01 áo khoát đỏ, có chữ NIKE trên cổ áo, 01 nón kết lưỡi trai màu nâu có chữ TOMMY-HIFIGER và 01 dao xếp bằng kim loại là T sản của các bị cáo, các bị cáo sử dụng một số tài sản vào việc phạm tội và hiện không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[7] Về hình phạt bổ sung: xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và hình phạt đề nghị áp dụng đối với các bị cáo phù hợp với quy định pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Đối với Phan Thanh T khi mua xe mô tô biển số 71C3 – 050.40 và Nguyễn Thị Thanh L khi mua dây chuyền do các bị cáo đem bán không biết tài sản do các bị cáo phạm tội mà có nên không truy cứu trách Nhiệm hình sự là phù hợp.

[10] Đối với các vụ cướp giật tài sản và trộm cắp tài sản các bị cáo thực hiện trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đã có văn bản thông báo cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố MT và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Tiền Giang để tiến hành thụ lý điều tra, xử lý theo thẩm quyền nên không đề cập xử lý trong vụ án này.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm, các bị cáo phải nộp theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Võ Quốc V phạm tội “Cướp giật tài sản” và “Trộm cắp tài sản”, bị cáo Nguyễn Thành Q phạm tội “Cướp giật tài sản” và bị cáo Trần Thành T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1.1.1. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Võ Quốc V 03 (Ba) năm 6 (Sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”.

1.1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Võ Quốc V 01 (Một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

1.1.3. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Võ Quốc V chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 04 (Bốn) năm 6 (Sáu) tháng tù;

Thời hạn tù tính từ ngày 02/6/2018.

1.2. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành Q 03 (Ba) năm 6 (Sáu) tháng tù;

Thời hạn tù tính từ ngày 30/7/2018.

1.3. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Thành T 02 (Hai) năm 6 (Sáu) tháng tù;

Thời hạn tù tính từ ngày 02/6/2018.

2. Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 357; 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật Dân sự:

- Ghi nhận Võ Thị Bích T đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt là 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Air Blade, biển số 71C3 – 050.40 và không yêu cầu gì thêm.

- Buộc các bị cáo Võ Quốc V và Nguyễn Thành Q liên đới bồi thường cho bị hại Mai Hồng N 6.838.750 (Sáu triệu, tám trăm ba mươi tám nghìn, bảy trăm năm mươi) đồng và bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Y 5.196.000 (Năm triệu, một trăm chín mươi sáu nghìn) đồng, trong đó phần của mỗi bị cáo là 1/2.

Kể từ ngày bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền bồi thường nêu trên nếu chưa được thi hành thì hàng tháng các bị cá phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành xong.

3. Áp dụng 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đã trả lại cho bị hại Võ Thị Bích T 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại AirBlade, biển số 71C3 – 050.40.

- Trả lại cho bị cáo Võ Quốc V:

+ 01 (Một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Võ Quốc V;

+ 01 (Một) điện thoại Nokia màu đỏ, đen, số Imei 1 359296/04/022892/7, số Imei 2359296/04/022893/5;

+ 01 (Một) điện thoại di động ITEL, màu xanh, số Imei 1 3549420763988440, số Imei 2 354942076398457, không có pin;

+ 01 (Một) điện thoại Iphone màu đỏ, đen, số Imei 1 35793406/307897, số Imei 2 357934061307905;

+ 01 (Một) điện thoại Nokia màu đen, số Imei 1 354109/05/249378/1, số Imei 2 354109/05/249379/9;

+ 01 (Một) điện thoại Smart màu trắng, số Imei 1 8686230107/6268, không có pin;

+ 01 (Một) điện thoại Oppo màu xám đã bể màn hình.

- Trả lại cho bị cáo Trần Thành T: 1.220.000 (Một triệu, hai trăm hai mươi nghìn) đồng (trong tổng số tiền 2.720.000 đồng (Hai triệu, bảy trăm hai mươi nghìn) đồng; 01 (Một) giấy chứng minh nhân dân và 01 (Một) thẻ ATM ngân hàng Sacombank mang tên Trần Thành T.

- Trả lại Võ Thị Tú T: 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter 150cc, biển số 63B9 – 583.23 màu sơn xanh, bạc.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (Một) điện thoại Iphone màu bạc, số Imei 359482088005464 và 01 (Một) điện thoại Nokia màu xanh, số Imei 1 355840092873538, số Imei 2 355840097873533.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 1.500.000 (Một triệu, năm trăm nghìn) đồng của bị cáo V (trong tổng số tiền 2.720.000 đồng (Hai triệu, bảy trăm hai mươi nghìn) đồng) để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (Một) đoạn băng kim loại màu trắng, có chữ ESCO, dài 07cm, một đầu hình trụ, một đầu dẹp;

+ 01 (Một) nón bảo hiểm màu đỏ;

+ 01 (Một) áo sơ mi màu xanh tay dài;

+ 01 (Một) quần tây xanh;

+ 01 (Một) nón kết màu trắng;

+ 01 (Một) con dao bấm;

+ 01 (Một) đôi dép;

+ 01 (Một) áo khoát đỏ, có chữ NIKE trên cổ áo;

+ 01 (Một) nón kết lưỡi trai màu nâu có chữ TOMMY-HIFIGER;

+ 01 (Một) dao xếp bằng kim loại.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/10/2018, hiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre quản lý)

4. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 23, 26, 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Mỗi bị cáo Võ Quốc V, Nguyễn Thành Q và Trần Thành T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Các bị cáo Võ Quốc V, Nguyễn Thành Q liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm là 601.700 (Sáu trăm lẻ một nghìn, bảy trăm) đồng, trong đó phần mỗi phần của các bị cáo là 1/2.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THA dân sự thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND Phường nơi các bị cáo cư trú (3b);
- Bị cáo, bị hại, NCQLNVLQ (8b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (6b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)
Ngô Văn Trình